

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DSST

Ngày: 17/02/2022

“*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Thủy và ông N Trọng Chuẩn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 236/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N và bà Phan Thị V, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 15/02/2018 bà Nguyễn Thị H có cho ông Trần Văn N và bà Phan Thị V vay số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn thanh toán là 01 năm.

Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán ông N và bà V vẫn chưa thanh toán cho bà H và có gửi cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6m², đất tại Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh

Đắk Nông. Mục đích gửi để làm tin, các bên không có đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải thanh toán số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng tính đến ngày xét xử là 288.000.000 đồng, tổng cộng 688.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*).

- Theo lời khai của bị đơn, bà Phan Thị V có trong hồ sơ vụ án:

Bà Phan Thị V thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Thời hạn thanh toán là 01 năm. Sau 01 năm thì bà H có cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V và ông N.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu phải thanh toán số tiền gốc và lãi suất 1,5%/tháng thì bà V không có ý kiến gì, bà V có nguyện vọng được trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng sau khi bán được đất. Đối với số tiền lãi, bà V xin không trả vì hoàn cảnh gia đình bà V đang gặp khó khăn.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H cầm của ông N và bà V thì bà V yêu cầu bà H phải trả lại cho bà V để bà V bán đất trả tiền cho bà H. Tuy nhiên, bà V không có yêu cầu phản tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 của BLTTDS;

Căn cứ các Điều 257, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 BLDS; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Buộc ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 688.000.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng gốc và 288.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn N và bà Phan Thị V, cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 15/02/2018 ông Trần Văn N và bà Phan Thị V vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng. Do đó quan hệ xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền vay ngày 20/12/2018, thời hạn trả là 01 năm (ngày 20/12/2019). Ngày 01/6/2021 bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Ông Trần Văn N và bà Phan Thị V là bị đơn trong vụ án. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông N và bà V vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà V là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải thanh toán số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay, ngày 15/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 17/02/2022 với số tiền 288.000.000 đồng. Tổng cộng 688.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị V thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị H với số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, bà V xin được trả số tiền gốc, không trả tiền lãi.

Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho

vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

...”

Theo đó, tại giấy vay tiền giữa hai bên lập ngày 15/02/2018, thời hạn vay hai bên thỏa thuận là 01 năm ông N và bà V phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà H. Nhưng vì đến hạn, ông N và bà V không trả tiền cho bà H nên ông N và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà H yêu cầu ông N và bà V phải trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại giấy vay tiền ngày 15/02/2018 không thể hiện lãi suất, tuy nhiên theo lời khai của các bên đều cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải thanh toán với mức lãi suất 1,5%/tháng, không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn với số tiền 288.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 688.000.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng gốc và 288.000.000 đồng tiền lãi.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận, vì vậy ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 688.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*), trong đó 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) tiền gốc và 288.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Văn N và bà Phan Thị V không thi hành thì ông Trần Văn N và bà Phan Thị V còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Văn N và bà Phan Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.520.000 đồng (*Ba mươi một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 14.680.000 đồng (*Mười bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S theo biên lai số 0005447 ngày 22 tháng 6 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Trọng Sơn